

Bản án số: 405/2021/HNGĐ- ST  
Ngày : 12/11/2021  
V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vương Đăng Khoa**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 312/2021/TLST- HNGĐ ngày 21/7/2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2021/QĐXX-ST ngày 02/11/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990; HKTT: A, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.( Có mặt)

**- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1989; HKTT: A, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.( Có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Tôi và anh **Nguyễn Bá T** kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 29/8/2011. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tôi và anh T đã ly thân 4 năm nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải P, sinh ngày 10/9/2012 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 05/11/2017. Ly hôn tôi xin được nuôi cháu L, anh T nuôi dưỡng cháu P, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không có.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

**Bị đơn – anh Nguyễn Bá T trình bày:** Tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 29/8/2011. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được có thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị T xin ly hôn, tôi xin đoàn tụ để vợ chồng nuôi dạy con cái.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải P, sinh ngày 10/9/2012 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 05/11/2017. Trường hợp ly hôn, tôi xin được nuôi cháu Hải Phong, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị T được ly hôn anh T. Con chung: Chị T và anh T có 02 con chung cháu Nguyễn Hải P, sinh ngày 10/9/2012 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 05/11/2017.

Xét thấy cả chị T và anh T đều có nguyện vọng nuôi con, chị T và anh T đều có công việc ổn định. Do đó, giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Nhật L, anh T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hải P đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản, công sức, công nợ: không yêu cầu giải quyết. Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Bá T. Anh T có HKTT tại Thôn A, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ

lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn – anh Nguyễn Bá T đã có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Bá T thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 29/8/2011 là hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh T đều xác nhận có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ 4 năm nay. Anh Hòa không đồng ý ly hôn, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tình cảm giữa chị T và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T với anh T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung cháu Nguyễn Hải P, sinh ngày 10/9/2012 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 05/11/2017.

Xét thấy cả chị T và anh T đều có nguyện vọng nuôi con, chị T và anh T đều có công việc ổn định. Do đó, giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Nhật L, anh T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hải P đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh T, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên!*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Bá T

2. Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là chung cháu Nguyễn Hải P, sinh ngày 10/9/2012 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 05/11/2017.

Giao chị Nguyễn Thị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 05/11/2017, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Giao anh Nguyễn Bá T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hải P, sinh ngày 10/9/2012, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có quyết định thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Bá T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0075274 ngày 19/7/2021.

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Bá T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ( 02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

**T/M Hội đồng xét xử  
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**

**Vương Đăng Khoa**

Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hòa có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tổ tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Bá T

2. Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung Nguyễn Hải P, sinh ngày 10/9/2012 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 05/11/2017.

Giao chị Bùi Thị Liên được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu là Đỗ Hương Giang sinh ngày 12/9/2013 và Đỗ Nhật Nam, sinh ngày 04/9/2017, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh Đỗ Xuân Hòa cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Hương Giang sinh ngày 12/9/2013 cho chị Bùi Thị Liên là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 11/2021 đến khi con chung thành niên hoặc có Quyết định thay đổi khác.

Anh Đỗ Xuân Hòa cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Nhật Nam, sinh ngày 04/9/2017 cho chị Bùi Thị Liên là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 11/2021 đến khi con chung thành niên hoặc có Quyết định thay đổi khác.

Anh Đỗ Xuân Hòa có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Liên phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0075068 ngày 23/4/2021.

Anh Đỗ Xuân Hòa phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị Liên có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đỗ Xuân Hòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ( 02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

**T/M Hội đồng xét xử**  
**Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**

**Vương Đăng Khoa**